

Số: 07/TB-KL

Tuy Đức, ngày 28 tháng 02 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

1. Tổ chức có tài sản đấu giá: Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

2. Tài sản đấu giá gồm:

* **Lâm sản:** 33,331 m³ (Ba mươi ba phẩy ba trăm ba mươi một mét khối) gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ nhóm I, III, V, VI, VII, VIII

3. Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

Tổng tiền: 65.495.000 đồng. Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng. (Kèm Biên bản định giá khởi điểm TSTT bán sung quỹ Nhà nước ngày 27/02/2020)

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm:

- Có cơ sở, vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá tài sản;
- Phương án đấu giá tài sản khả thi, hiệu quả;
- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;
- Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp theo quy định hiện hành;
- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp hoặc Sở Tư pháp tại nơi đơn vị đăng ký công bố;
- Ngoài các tiêu chí nêu trên, Bộ hồ sơ năng lực của Tổ chức đấu giá bao gồm:
 - Bản sao chứng thực đăng ký kinh Doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập có ngành nghề kinh doanh phù hợp theo quy định của pháp luật.
 - Bản cam kết của tổ chức đấu giá về tiến độ thực hiện tổ chức đấu giá; cam kết về thời gian đăng thông báo đấu giá trên các báo - đài theo quy định.
 - Số lượng đấu giá viên, kèm theo bằng cấp chuyên môn;
 - Các cam kết khác (nếu có);

5. Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Từ ngày 28/02/2020 đến 17 giờ ngày 05/03/2020.

Địa chỉ: Bộ phận Hành chính tổng hợp, Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức –Thôn 1, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông; Số điện thoại: 02612 229 170.



Lưu ý: Nộp trực tiếp (không nhận hồ sơ qua đường bưu điện), Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Chứng minh nhân dân. Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được Hạt Kiểm lâm lựa chọn.

Nơi nhận: 

- Trang TTĐT của CCKL Đắk Nông;
- Sở Tư pháp (bttp.stp@daknong.gov.vn);
- Lãnh đạo Hạt;
- Lưu: hồ sơ.

PHÓ HẠT TRƯỞNG



Lê Đắc Thành



Số: 01/BB- XĐCL

Tuy Đức, ngày 27 tháng 02 năm 2020

BIÊN BẢN

VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH TỶ LỆ CHẤT LƯỢNG CÒN LẠI GIÁ TRỊ TANG VẬT ĐÃ TỊCH THU BÁN SUNG QUỸ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức về việc kiện toàn Hội đồng xử lý, định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước;

Căn cứ các Quyết định tịch thu tang vật sung quỹ Nhà nước đã ban hành năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước,

Căn cứ tình trạng thực tế tại thời điểm.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 27/02/2020. Tại Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức. Hội đồng đánh giá chất lượng gồm có:

I/ Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức:

- Ông : Lê Đắc Thành - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng.
- Bà: Lê Thị Hồng Nhung - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

II/ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tuy Đức:

- Ông: Nguyễn Văn Vui - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

III/ Phòng Tư pháp huyện Tuy Đức:

- Ông: Lê Công Tuấn - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

IV/ Phòng NN & PTNT huyện Tuy Đức:

- Ông: Hồ Đức Giáp - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

Đã cùng nhau thống nhất đánh giá chất lượng lâm sản tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước theo các biên bản kiểm tra, Quyết định đã ban hành tịch thu năm 2019, cụ thể như sau:

* **Lâm sản: 33,331 m³ gỗ tròn, gỗ xẻ từ nhóm I, III, V, VI, VII, VIII**

- **Gỗ xẻ: 5,131 m³**

Gỗ Bằng lăng	Nhóm III	KL: 2,562 m ³	Chất lượng còn lại: 50%.
Gỗ SP	Nhóm VI	KL: 0,759 m ³	Chất lượng còn lại: 75%.
Gỗ Xoan đào	Nhóm VI	KL: 1,100 m ³	Chất lượng còn lại: 80%.

Gỗ SP	Nhóm VII	KL: 0,125 m ³	Chất lượng còn lại: 60%.
Gỗ SP	Nhóm VII	KL: 0,585m ³	Chất lượng còn lại: 35%.
- Gỗ tròn: 28,200 m³			
Gỗ Gỗ đỏ	Nhóm I	KL: 0,320 m ³	Chất lượng còn lại: 70%.
Gỗ Bằng lăng	Nhóm III	KL: 12,310 m ³	Chất lượng còn lại: 40%.
Gỗ SP	Nhóm V	KL: 0,366 m ³	Chất lượng còn lại: 70%.
Gỗ SP	Nhóm V	KL: 0,353 m ³	Chất lượng còn lại: 65%.
Gỗ Chò xốt	Nhóm V	KL: 0,985 m ³	Chất lượng còn lại: 65%.
Gỗ SP	Nhóm VI	KL: 2,893 m ³	Chất lượng còn lại: 80%.
Gỗ SP	Nhóm VI	KL: 3,763 m ³	Chất lượng còn lại: 60%.
Gỗ SP	Nhóm VI	KL: 6,001 m ³	Chất lượng còn lại: 40%.
Gỗ SP	Nhóm VIII	KL: 1,209 m ³	Chất lượng còn lại: 60%.

Do khối lượng gỗ tịch thu trên là gỗ tròn, gỗ hộp có khối lượng lớn, khi phát hiện đã là gỗ cũ, không có kho bảo quản mà phải để ngoài trời, bị tác động thời tiết nắng, mưa trong thời gian dài. Vì vậy, gỗ bị cong, vênh, bong, mục, nứt nẻ nhiều..... làm giảm chất lượng.

Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, được thông qua nội dung đánh giá chất lượng, hội đồng nhất trí nội dung và cùng ký tên./.

HẠT KIỂM LÂM


PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH





Lê Thị Hồng Nhung

Lê Đắc Thành



Nguyễn Văn Vui

PHÒNG TƯ PHÁP

PHÒNG NN&PTNT



Lê Công Tuấn



Hồ Đức Giáp

BIÊN BẢN

Về việc định giá khởi điểm tài sản tịch thu bán sung quỹ Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức về việc kiện toàn Hội đồng xử lý, định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định giá các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Biên bản số 01/BB-XĐCL ngày 27/02/2020 về việc xác định tỷ lệ chất lượng còn lại giá trị tang vật đã tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Hôm nay, ngày 27 tháng 02 năm 2020. Tại Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức. Chúng tôi gồm:

I/ Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức:

- Ông : Lê Đắc Thành - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng.
- Bà: Lê Thị Hồng Nhung - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

II/ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tuy Đức:

- Ông: Nguyễn Văn Vui - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

III/ Phòng Tư pháp huyện Tuy Đức:

- Ông: Lê Công Tuấn - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

IV/ Phòng NN & PTNT huyện Tuy Đức:

- Ông: Hồ Đức Giáp - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

Đã cùng nhau thống nhất xác định mức giá khởi điểm số lâm sản bán sung công quỹ Nhà nước theo các Quyết định đã ban hành tịch thu năm 2019; cụ thể như sau (có bảng kê chi tiết kèm theo):

* **Lâm sản: 33,331 m³ gỗ tròn, gỗ xẻ từ nhóm I, III, V, VI, VII, VIII.**

STT	Nhóm gỗ	Khối lượng (m ³)	Thành tiền (đồng)
I	Gỗ xẻ	5,131	19.069.576
1	Nhóm III	2,562	12.625.536
2	Nhóm VI-VII	2,569	6.444.040
II	Gỗ tròn	28,200	46.424.939
1	Nhóm I	0,320	1.792.000
2	Nhóm III	12,310	21.665.600
3	Nhóm V-VIII	15,570	22.967.339
Tổng gỗ tròn, gỗ xẻ (I+II)		33,331	65.494.515
Làm tròn		33,331	65.495.000

Tổng giá trị: 65.495.000 đồng . Bằng chữ: (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Biên bản kết thúc cùng ngày, đã thông nội dung; hội đồng thống nhất và ký tên./.

HẠT KIỂM LÂM


PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH





Lê Thị Hồng Nhung

Lê Đắc Thành

Nguyễn Văn Vui

PHÒNG TƯ PHÁP

PHÒNG NN&PTNT



Lê Công Tuấn



Hồ Đức Giáp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÍCH THU

(Kèm theo biên bản định giá khởi điểm số 01/BB-ĐG ngày 27/02/2020)

STT	Tên tài sản	Khối lượng (m3)/Ster	% chất lượng còn lại	Đơn giá (đồng)	Tổng giá trị (đồng)	Nơi bảo quản	Biên bản VPHC		Quyết định xử lý		Ghi chú
							Số	Ngày	Số	Ngày	
A	GỖ NHÓM I	0,320			1.792.000						
1	Gỗ tròn Cẩm lai nhóm I, 25cm=<D<50cm	0,320	50%	11.200.000	1.792.000	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000540	19/11/2019	001258	25/11/2019	02 gốc
B	GỖ NHÓM III	14,872			34.291.136						
1	Gỗ xẻ Bằng lăng nhóm III	0,334	70%	7.040.000	1.645.952	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000485	13/09/2019	000064	14/10/2019	08 hộp
2	Gỗ xẻ Bằng lăng nhóm III	0,335	70%	7.040.000	1.650.880	KLĐB xã Đăk Ngo	000491	01/10/2019	000066	01/11/2019	15 hộp
4	Gỗ xẻ Bằng lăng nhóm III	0,689	70%	7.040.000	3.395.392	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	001226	01/11/2019	000068	02/12/2020	15 hộp
5	Gỗ xẻ Bằng lăng nhóm III	1,204	70%	7.040.000	5.933.312	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	001227	01/11/2019	000069	01/12//2019	02 hộp
6	Gỗ tròn Bằng lăng nhóm III	3,899	40%	4.400.000	6.862.240	Trạm KLĐB Quảng Trục	001228	01/11/2019	000070	02/12/2019	19 lóng
7	Gỗ tròn Bằng lăng nhóm III	3,707	40%	4.400.000	6.524.320	Trạm KLĐB Quảng Trục	001229	01/11/2019	000071	02/12/2019	15 lóng
3	Gỗ tròn Bằng lăng nhóm III	4,704	40%	4.400.000	8.279.040	Trạm KLĐB Quảng Trục	001230	01/11/2019	000072	02/12/2019	16 lóng
C	GỖ NHÓM V - VIII	18,139			29.411.379						
1	Gỗ tròn SP nhóm V, 25cm=<D<50cm	0,366	70%	2.500.000	640.500	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000485	13/09/2019	000064	14/10/2019	01 lóng
2	Gỗ tròn SP nhóm VI, 25cm=<D<50cm	0,955	60%	2.000.000	1.146.000	Trạm KLĐB Đăk Zen	000490	23/09/2019	000065	24/10/2019	02 lóng
	Gỗ tròn SP nhóm VI, D>=50cm	2,808	60%	3.500.000	5.896.800						
3	Gỗ xẻ SP nhóm VII, 25cm=<D<50cm	0,125	60%	3.200.000	240.000	KLĐB xã Đăk Ngo	000491	01/10/2019	000066	01/11/2019	01 lóng
4	Gỗ xẻ SP nhóm VI, D < 25cm	0,759	75%	2.080.000	1.184.040	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000499	26/11/2019	001259	20/11/2019	07 hộp
5	Gỗ tròn SP nhóm VI, 25cm=<D<50cm	2,893	80%	2.000.000	4.628.800	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000505	28/10/2019	000067	29/11/2019	10 lóng
6	Gỗ tròn SP nhóm VI, 25cm=<D<50cm	0,272	40%	2.000.000	217.600	Trạm KLĐB Quảng Trục	001230	01/11/2019	000072	02/12/2019	02 lóng
	Gỗ tròn SP nhóm VI, D>=50cm	1,507	40%	3.500.000	2.109.800						
7	Gỗ xẻ SP nhóm VII, 25cm=<D<50cm	0,585	35%	3.200.000	655.200	Trạm KLĐB Quảng Trục	001227	01/11/2019	000069	02/12/2019	03 hộp
8	Gỗ tròn SP nhóm VI, 25cm=<D<50cm	0,493	40%	2.000.000	394.400	Trạm KLĐB Quảng Trục	001228	01/11/2019	000070	02/12/2019	03 lóng
	Gỗ tròn SP nhóm VI, D>=50cm	1,199	40%	3.500.000	1.678.600						
9	Gỗ tròn SP nhóm VI, D<25cm	0,331	40%	1.300.000	172.120	Trạm KLĐB Quảng Trục	001229	01/11/2019	000071	02/12/2019	05 lóng
	Gỗ tròn SP nhóm VI, 25cm=<D<50cm	0,830	40%	2.000.000	664.000						
	Gỗ tròn SP nhóm VI, D>=50cm	1,369	40%	3.500.000	1.916.600						

STT	Tên tài sản	Khối lượng (m3)/Ster	% chất lượng còn lại	Đơn giá (đồng)	Tổng giá trị (đồng)	Nơi bảo quản	Biên bản VPHC		Quyết định xử lý		Ghi chú
							Số	Ngày	Số	Ngày	
10	Gỗ tròn SP nhóm VIII, D<25cm	0,198	60%	900.000	106.920	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	001231	04/11/2019	000073	05/12/2019	07 lóng
	Gỗ tròn SP nhóm VIII, D>=25cm	1,011	60%	1.960.000	1.188.936						
11	Gỗ xẻ Xoan đào nhóm VI	1,100	80%	4.960.000	4.364.800	Trạm KLDB Quảng Trục	000495	23/11/2019	000074	24/12/2019	07 hộp
12	Gỗ tròn Chò xốt nhóm V	0,985	65%	2.550.000	1.632.638	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000509	26/11/2019	000075	27/12/2019	05 lóng
	Gỗ tròn SP nhóm V, 25cm=<D<50cm	0,353	65%	2.500.000	573.625						
Tổng cộng		33,331			65.494.515						
Làm tròn		33,331			65.495.000						

Số tiền ghi bằng chữ: (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Phòng Nông nghiệp & PTNT

Hồ Đức Giáp

Phòng Tài chính - Kế hoạch

Nguyễn Văn Vui

Phòng Tư pháp

Lê Công Tuấn

Tuy Đức, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức

Lê Thị Hồng Nhung



Lê Đức Thành